

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHÍNH THỨC

25-01-2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỪ NGÀY 01/01/2009 ĐẾN NGÀY 31/12/2009

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

TP Hồ Chí Minh, tháng 01 - 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

NỘI DUNG

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009***MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		5.118.618.135.307	3.187.605.013.312
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	426.134.657.958	338.653.634.582
1. Tiền	111		376.134.657.958	132.976.253.257
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	205.677.381.325
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.314.253.566.692	374.002.285.692
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.400.760.431.792	496.998.072.070
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.3	(86.506.865.100)	(122.995.786.378)
III. Các khoản phải thu	130		778.010.643.038	646.384.971.761
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	562.103.198.942	530.148.996.144
2. Trả trước cho người bán	132		139.983.228.266	75.460.561.209
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	76.587.388.719	40.922.794.538
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.6	(663.172.889)	(147.380.130)
IV. Hàng tồn kho	140		1.311.885.735.523	1.775.341.893.286
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.321.292.673.484	1.789.645.993.109
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.8	(9.406.937.961)	(14.304.099.823)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		288.333.532.096	53.222.227.991
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	21.986.072.192	31.459.932.494
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		37.362.240.286	19.195.984.660
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.10	226.000.000.000	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.985.219.618	2.566.310.837

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009***MẪU SỐ B01-DN/HN***Đơn vị tính : VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		3.412.443.847.758	2.779.353.212.965
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.822.112.758	474.494.723
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		8.822.112.758	474.494.723
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.524.530.093.197	1.936.922.488.423
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1.835.582.772.013	1.529.186.585.828
- Nguyên giá	222		3.135.506.309.723	2.618.637.470.902
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.299.923.537.710)	(1.089.450.885.074)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	39.241.360.883	50.868.169.138
- Nguyên giá	228		82.339.659.797	79.416.077.317
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(43.098.298.914)	(28.547.908.179)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	649.705.960.301	356.867.733.457
III. Bất động sản đầu tư	240	V.14	27.489.150.000	27.489.150.000
- Nguyên giá	241		27.489.150.000	27.489.150.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		602.478.419.946	570.657.269.351
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	26.151.955.551	23.701.955.551
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	672.731.593.440	546.955.313.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.17	(96.405.129.045)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		249.124.071.857	243.809.810.468
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	194.714.091.558	195.512.328.998
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		53.520.933.059	47.275.236.230
3. Tài sản dài hạn khác	268		889.047.240	1.022.245.240
VI. Lợi thế thương mại				-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)	270		8.531.061.983.065	5.966.958.226.276

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009***MẪU SỐ B01-DN/HN***Đơn vị tính : VNĐ*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		1.857.657.735.226	1.154.432.061.176
I. Nợ ngắn hạn	310		1.601.363.156.731	972.502.442.356
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	13.283.082.682	188.221.936.000
2. Phải trả người bán	312	V.20	789.866.508.433	492.556.006.179
3. Người mua trả tiền trước	313		77.584.157.132	5.916.899.180
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	399.962.484.363	64.187.551.830
5. Phải trả người lao động	315		28.687.738.983	3.103.387.460
6. Chi phí phải trả	316	V.22	208.130.515.257	144.052.341.695
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	83.848.669.881	74.464.320.012
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		256.294.578.495	181.929.618.820
1. Phải trả dài hạn người bán	331		116.939.763.988	93.612.316.987
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		92.000.000.000	30.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	12.454.295.000	22.417.731.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	34.900.519.507	35.899.570.833
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+420)	400	V.26	6.638.038.900.304	4.761.912.645.765
I. Vốn chủ sở hữu	410		6.455.773.448.690	4.665.714.594.626
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.512.653.000.000	1.752.756.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	1.064.948.051.177
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(154.222.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.756.282.910.335	869.697.027.622
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		294.347.876.431	175.275.670.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		892.643.883.924	803.037.145.827
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		182.265.451.614	96.198.051.139
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		182.265.451.614	96.198.051.139
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		35.365.347.535	50.613.519.335
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		8.531.061.983.065	5.966.958.226.276

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**MẪU SỐ B01-DN/HN**

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ gia công			236.130.220
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		3.721.592,43	1.896.238,64
EUR		425,61	3.843,23
AUD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hùng

Kế Toán Trưởng



Lê Thành Liêm

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2010



Tổng Giám Đốc



Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT*Năm 2009***MẪU SỐ B02-DN/HN***Đơn vị tính: VNĐ*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1		3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	10.821.195.385.815	8.380.562.493.132
2. Các khoản giảm trừ	3	VI.1	(206.370.629.645)	(171.580.600.304)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 03)	10	VI.1	10.614.824.756.170	8.208.981.892.828
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	(6.736.215.420.796)	(5.610.968.563.053)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 + 11)	20		3.878.609.335.374	2.598.013.329.775
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	439.936.099.518	264.810.320.889
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(184.827.894.243)	(197.621.967.048)
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	(1.245.476.021.840)	(1.052.307.508.224)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	(292.762.880.656)	(297.804.167.761)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21+22) + (24+25)}	30		2.595.478.638.153	1.315.090.007.631
11. Thu nhập khác	31	VI.5	147.640.500.135	136.902.216.356
12. Chi phí khác	32	VI.6	(11.408.794.114)	(6.729.682.745)
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)	40		136.231.706.021	130.172.533.611
14. Phần lỗ trong liên doanh			-	(73.949.506.654)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.731.710.344.174	1.371.313.034.588
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(361.536.490.197)	(161.873.920.364)
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		6.245.696.829	39.258.388.334
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)	60		2.376.419.550.806	1.248.697.502.558
<i>Phân bổ cho</i>				
<i>Cổ đông thiểu số</i>			<i>427.841.875</i>	<i>(1.421.985.144)</i>
<i>Cổ đông của Công ty</i>			<i>2.375.991.708.931</i>	<i>1.250.119.487.702</i>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	6.770	3.563

Người lập

Nguyễn-Việt Hùng

Kế toán trưởng

Lê Thành Liêm

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2009****MẪU SỐ B03-DN/HN***Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		2.731.710.344.174	1.371.313.034.588
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2	V.11,12	234.077.503.721	178.430.381.797
- Các khoản dự phòng	3		61.894.795.493	124.891.465.323
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		3.485.360.436	(5.703.525.494)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(299.748.549.531)	(26.174.822.406)
- Chi phí lãi vay	6	VI.4	6.654.877.842	26.971.684.235
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		2.738.074.332.135	1.669.728.218.043
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		(117.380.597.934)	13.354.826.116
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		453.174.843.210	(112.070.055.247)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		441.699.782.965	(105.913.457.197)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		10.276.347.742	(17.061.020.310)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.942.303.051)	(25.957.094.054)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.10,20	(293.332.380.687)	(101.861.076.253)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		16.032.334.480	53.505.352.935
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(146.949.359.480)	(103.947.210.627)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.094.652.999.381	1.269.778.483.407
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(654.816.757.348)	(445.080.880.342)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		8.596.217.244	4.216.736.588
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.323.386.500.000)	(50.191.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		309.885.882.788	3.010.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.450.000.000)	(134.151.911.225)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		134.267.250.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		69.082.724.259	90.373.465.184
8. Khoản góp vốn của cổ đông thiểu số trong công ty con			-	20.000.000
9. Mua lại khoản góp vốn của cổ đông thiểu số trong công ty con			(15.603.226.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM


Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.474.424.409.058)	(531.803.589.795)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		3.646.400.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		(154.222.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.319.646.682	173.547.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(188.221.936.000)	(9.963.436.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(351.280.620.000)	(680.733.353.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(532.690.731.318)	(517.149.789.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		87.537.859.005	220.825.104.612
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		338.653.634.582	117.818.399.217
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi Ngoại tệ	61		(56.835.629)	10.130.753
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		426.134.657.958	338.653.634.582

Người lập



Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thành Liêm

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám Đốc



Mai Kiều Liên



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN :

1. Hình thức sở hữu vốn:

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) :

- + Ngày 29/04/1993: Công ty Sữa Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ theo loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước .
- + Ngày 01/10/2003: Công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003: Công ty đăng ký trở thành một Công Ty Cổ Phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932.
- + Ngày 28/12/2005: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006: Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.
- + Ngày 12/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Bất Động Sản Quốc Tế thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 4104000260 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp.
- + Ngày 14/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Bò sữa Việt Nam được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 150400003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Tuyên Quang cấp.
- + Ngày 26/02/2007: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 2603000521 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
- + Ngày 21/12/2007 : Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Chiến Thắng được thành lập theo Giấy Chứng Nhận đăng ký kinh doanh số 3203001769 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Đà Nẵng cấp phép.

Tại thời điểm 31/12/2009,

+ Tập đoàn có các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết như sau:

Các chi nhánh:

1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Số 57 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy – TP Hà Nội

2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Lô 42 đường Triệu Nữ Vương nối dài – Phường Hải Châu 2 -Quận Hải Châu -TP Đà Nẵng .

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Thới Bình, TP Cần Thơ.

Các nhà máy:

- 1/ Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 3/ Nhà máy sữa Dielac- Khu Công nghiệp Biên hòa I, Đồng Nai.
- 4/ Nhà máy sữa Hà Nội - Xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội.
- 5/ Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- 6/ Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12,TP HCM.
- 7/ Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, TX Cửa Lò, Nghệ An
- 8/ Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định
- 9/ Nhà máy cà phê Sài Gòn - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương
- 10/ Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh

Xí nghiệp:

- + Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ đức, TP.HCM.
- + Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Q Gia Lâm, Hà Nội

Phòng khám:

- + Phòng khám đa khoa An Khang - 87A CMT8, Quận 1, TP HCM.

Công ty con:

+ Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn

- Địa chỉ: KCN Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55%

+ Công ty Một Thành Viên Bò Sữa Việt Nam

- Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q3, TP Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

+ Công ty Một Thành Viên Đầu tư BĐS Quốc tế

- Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q3, TP Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

Công ty con: (gián tiếp thông qua Công ty Một Thành Viên Đầu tư BĐS Quốc tế)

+ Công ty Cổ phần BĐS Chiến Thắng – Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Địa chỉ: 95 Lê Lợi, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

Công ty liên kết:

+ Công ty Cổ Phần Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn

- Địa chỉ: Lô C-9E-CN, KCN Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tỷ lệ phần sở hữu: 20 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20%

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

+ Trang trại mẫu Campina tại Lâm Đồng

- Địa chỉ trụ sở chính:
Ban Quản Lý Dự Án Phát Triển Nguồn Nguyên Liệu Sữa
Thôn Tư Tra – Huyện Đơn Dương – Tỉnh Lâm Đồng
Tỷ lệ phần sở hữu: 25 %
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25%

+ Căn hộ Horizon

- Địa chỉ trụ sở chính:
Công ty địa ốc FICO
Tầng lửng, Khu C, 348 Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 5, TPHCM
Tỷ lệ phần sở hữu: 24,5 %
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 24,5%

2. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, Tập đoàn được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác.
- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu.
- c. Kinh doanh nhà.
- d. Môi giới, cho thuê bất động sản.
- e. Kinh doanh kho, bến bãi.
- f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- g. Bốc xếp hàng hóa.
- h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- i. Sản xuất và mua bán bao bì.
- j. In trên bao bì.
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở).
- l. Phòng khám đa khoa
- m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt.
- n. Dịch vụ sau thu hoạch .
- o. Xử lý hạt giống để nhân giống.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- + Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006.
- + Tập đoàn soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.
- + Các chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.
- + Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- + Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế Toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

3. Hình thức kế toán áp dụng

+ Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

+ Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VNĐ”), và được soạn lập theo Chế độ Kế toán, Chuẩn Mục Kế toán, Nguyên Tắc Kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.

+ Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền:

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

+ Tiền: bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

+ Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.

- Các khoản tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào Giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với Sổ phụ hoặc bản xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.

- Các khoản tiền đang chuyển: dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo .

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

+ Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ :

- Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Đối với tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ:

- Cuối quý, cuối niên độ: Tập đoàn đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí tài chính hay doanh thu tài chính (theo VAS 10).

+ Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2008:	16.977 VNĐ/USD
31/12/2009:	17.941 VNĐ/USD

3. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- + Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- + Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)
- + Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- + Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
- + Hàng tồn kho trong kỳ nhập khẩu được ghi nhận tăng trong kỳ theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- + Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển cố định); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- + Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính (thay thế TT số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- a. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu – VAS 14 về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- b. Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt .
- c. Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. .

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

+ TSCĐ hữu hình:

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập Đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.
- Chi phí phát triển dần bù được vốn hóa cho đến khi chúng trưởng thành và chuyển sang thành tài sản cố định để trích khấu hao

+ TSCĐ vô hình bao gồm:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...
- Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

b. Phương pháp khấu hao:

+ TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) được thực hiện theo quyết định QĐ 908/QĐ-CTS.KT ngày 9/07/2009 do Công ty CP sữa Việt Nam ban hành căn cứ trên Quyết Định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 cụ thể như sau:

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Gia súc	6

+ Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận ngay trong tháng: sẽ được tính nguyên tháng nếu tăng trước ngày 15, và khấu hao ½ tháng nếu ghi nhận tăng sau ngày 15.

+ TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn không áp dụng trích khấu hao, có thời hạn thì trích khấu hao theo thời hạn trên giấy phép. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- + Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc; các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- + Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- + Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- + Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

7. Bất động sản đầu tư

+ Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

+ Khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

+ Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- + Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.
- + Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - Theo thời gian hữu dụng xác định: phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà đất trả trước.
 - Theo thời gian hữu dụng quy ước: phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ...

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Tập đoàn ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- + Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu)
- + Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
- + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
- + Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
- + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

+ Quỹ trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.
Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:
 - + Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế
 - + Quỹ khen thưởng phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế
 - + Quỹ dự phòng tài chính 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn đầu tư của chủ sở hữu).

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu tài chính:

+ Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

+ Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

+ Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Tập Đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - + Lỗ đầu tư chứng khoán: được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán theo thực tế phát sinh
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại:

- + *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp)*: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.
- + *Thuế thu nhập hiện hành*: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- + *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại*: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ;
- + *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại*: được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- + *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại* được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- + Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 25% trên thu nhập chịu thuế, tùy theo nơi đặt các nhà máy sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

15. Hợp nhất báo cáo

Công ty con

- + Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt nhất kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.
- + Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- + Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số.

- + Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

Công ty liên kết

- + Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- + Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho công ty liên kết.

- + Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện của các nghiệp vụ nội bộ giữa Tập đoàn với công ty liên kết sẽ được giảm trừ vào lãi đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán của công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách mà Tập đoàn áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	636.241.121	647.909.279
- Tiền gửi ngân hàng	374.658.408.861	130.543.561.635
- Tiền đang chuyển	840.007.976	1.784.782.343
- Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	205.677.381.325
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	50.000.000.000	205.677.381.325
• Cổ phiếu	-	-
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	<u><u>426.134.657.958</u></u>	<u><u>338.653.634.582</u></u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	173.060.231.792	182.633.322.070
• Cổ phiếu	169.820.231.792	180.228.322.070
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	3.240.000.000	2.405.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	2.227.700.200.000	314.364.750.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	2.227.700.200.000	106.396.500.000
• Đầu tư ngắn hạn khác	-	207.968.250.000
Cộng	<u><u>2.400.760.431.792</u></u>	<u><u>496.998.072.070</u></u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(86.506.865.100)	(122.995.786.378)
- Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u><u>(86.506.865.100)</u></u>	<u><u>(122.995.786.378)</u></u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trong nước	422.276.393.226	374.571.347.555
- Khách hàng nước ngoài	139.826.805.716	155.577.648.589
Cộng	<u><u>562.103.198.942</u></u>	<u><u>530.148.996.144</u></u>

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	51.281.565	-
- Lãi tiền gửi phải thu	56.339.350.383	9.694.728.839
- Cổ tức, trái tức và lợi nhuận được chia	1.256.976.057	10.708.531.889

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế NK còn được hoàn	8.236.379.986	11.904.998.960
- NH TMCP Bảo Việt	-	3.200.000.000
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	5.113.567.440	741.940.306
- Phải thu khác	5.589.833.289	4.672.594.544
Cộng	<u>76.587.388.719</u>	<u>40.922.794.538</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(229.909.078)	(120.504.562)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(94.574.608)	(107.673.844)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(74.221.001)	(12.830.718)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(61.113.469)	-
- Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(433.263.811)	(26.875.568)
Cộng	<u>(663.172.889)</u>	<u>(147.380.130)</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi trên đường	375.091.101.930	219.523.626.450
- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật	548.539.430.745	1.231.150.285.523
- Công cụ, dụng cụ	6.132.979.862	5.756.414.442
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	121.616.959.313	104.992.369.719
- Thành phẩm	250.545.969.549	217.382.773.314
- Hàng hóa	11.409.563.139	10.709.679.756
- Hàng gửi đi bán	7.956.668.946	130.843.905
Cộng	<u>1.321.292.673.484</u>	<u>1.789.645.993.109</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	(7.262.000.212)	(9.489.021.039)
- Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật	(1.992.954.147)	(3.728.140.954)
- Thành phẩm	(77.056.174)	(901.295.089)
- Hàng hóa	(74.927.428)	(185.642.741)
Cộng	<u>(9.406.937.961)</u>	<u>(14.304.099.823)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	1.641.491.395	13.086.892.583	12.860.821.573	-	1.867.562.405
- Chi phí quảng cáo	7.873.032.531	28.413.999.998	32.927.474.680	-	3.359.557.849
- Chi phí CCDC bán hàng	8.493.035.020	6.089.365.832	10.349.954.619	-	4.232.446.233
- Chi phí thuê mặt bằng, vị trí	5.990.898.361	19.660.189.269	18.978.093.216	1.780.465.592	4.892.528.822
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.176.287.208	12.494.362.973	11.714.754.454	116.461.047	2.839.434.680
- CP cải tạo, sửa chữa lớn	1.876.705.301	12.066.441.828	8.527.996.483	1.481.411.158	3.933.739.488
- Chi phí khác	3.408.482.678	55.070.489.988	57.071.327.171	546.842.780	860.802.715
Cộng	31.459.932.494	146.881.742.471	152.430.422.196	3.925.180.577	21.986.072.192

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm nộp tiền Thuế thu nhập doanh nghiệp	226.000.000.000	-
Cộng	226.000.000.000	-

* Vào ngày 14/01/2010 Tổng Cục Thuế đã có công văn số 149/TCT-PC về việc ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn từ năm 2004 – 2006. Theo nội dung công văn này được sự chấp thuận của Thủ Tướng Chính Phủ, Tổng Cục Thuế đã hướng dẫn cho phép cộng gộp hai mức ưu đãi : (1) giảm 50% số thuế phải nộp theo luật thuế TNDN và được công thêm (2) giảm 50% số thuế TNDN phải nộp do chứng khoán niêm yết lần đầu thành tổng hợp chung là doanh nghiệp được miễn thuế trong năm tài chính đó. Căn cứ vào Công Văn này thì Công ty sẽ được miễn thuế trong các năm 2004, 2005, 2006, 2007 cho nên khoản thuế 226 tỷ mà Công ty đã tạm nộp theo Thông Báo ngày 22/05/2008 của Cục Thuế TP Hồ Chí Minh được ghi nhận như là một khoản tạm nộp thuế và thể hiện tại mục Thuế và các khoản phải thu Nhà nước trong Báo cáo tài chính năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Gia súc	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ 01/01/2009	505.156.749.583	1.747.393.087.622	255.102.811.776	89.538.467.259	21.446.354.662	2.618.637.470.902
Mua trong kỳ	2.615.126.379	25.138.497.271	33.790.694.450	18.184.681.318	12.533.279.444	92.262.278.862
Đầu tư XDCB hoàn thành	93.959.384.690	258.422.792.052	72.087.108.926	7.871.481.595	-	432.340.767.263
Súc vật nuôi chuyển đàn	-	-	-	-	7.597.065.492	7.597.065.492
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	1.677.799.940	(4.215.893.356)	2.555.781.416	(17.688.000)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	136.677.965	1.289.509.445	8.944.276.446	870.727.885	4.090.081.055	15.331.272.796
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 31/12/2009	603.272.382.627	2.025.448.974.144	354.592.120.122	114.706.214.287	37.486.618.543	3.135.506.309.723
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ 01/01/2009	138.864.010.638	792.233.175.739	93.495.930.439	59.381.422.940	5.476.345.318	1.089.450.885.074
Khấu hao trong kỳ	25.670.929.402	145.390.964.633	26.814.562.139	17.702.459.688	3.948.197.123	219.527.112.985
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	97.871.662	(97.871.662)	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	52.677.966	3.774.529.274	3.083.205.567	869.948.139	1.274.099.403	9.054.460.349
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 31/12/2009	164.580.133.736	933.751.739.436	117.227.287.011	76.213.934.489	8.150.443.038	1.299.923.537.710
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày đầu năm	366.292.738.945	955.159.911.884	161.606.881.338	30.157.044.319	15.970.009.344	1.529.186.585.828
Tại ngày cuối kỳ	438.692.248.890	1.091.697.234.708	237.364.833.111	38.492.279.798	29.336.175.505	1.835.582.772.013

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu kỳ 01/01/2009	35.750.347.200	-	-	43.665.730.117	79.416.077.317
Mua trong kỳ	-	-	-	2.923.582.480	2.923.582.480
Đầu tư XDCCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 31/12/2009	35.750.347.200	-	-	46.589.312.597	82.339.659.797
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ 01/01/2009	11.608.069.186	-	-	16.939.838.993	28.547.908.179
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	14.550.390.735	14.550.390.735
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 31/12/2009	11.608.069.186	-	-	31.490.229.728	43.098.298.914
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
Tại ngày đầu năm	24.142.278.014	-	-	26.725.891.124	50.868.169.138
Tại ngày cuối kỳ	24.142.278.014	-	-	15.099.082.869	39.241.360.883

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu kỳ	356.867.733.457	598.307.343.777
Tăng trong kỳ	731.211.006.320	364.410.359.637
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	432.340.767.263	589.340.180.237
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	16.440.727.475
Chuyển sang HTK	1.636.389.836	15.082.000
Thanh lý	-	53.980.245
Giảm khác	4.395.622.377	-
Số dư cuối kỳ	649.705.960.301	356.867.733.457

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

14. Bất động sản đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quyền sử dụng đất 1.409,72m ² tại Phường Hòa Cường, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng	27.489.150.000	27.489.150.000
Cộng	<u>27.489.150.000</u>	<u>27.489.150.000</u>

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
- Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%	9.942.684.826
- Trang trại mẫu Campina - Hợp đồng kinh doanh đồng kiểm soát	25,00%	25,00%	7.209.270.725
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết	20,00%	20,00%	9.000.000.000
Cộng			<u>26.151.955.551</u>

16. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư cổ phiếu	349.931.593.440	390.915.313.800
- Đầu tư trái phiếu	200.000.000.000	3.240.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	122.800.000.000	152.800.000.000
Cộng	<u>672.731.593.440</u>	<u>546.955.313.800</u>

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(96.405.129.045)	-
Cộng	<u>(96.405.129.045)</u>	<u>-</u>

18. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Tiền thuê mặt bằng	193.914.048.807	835.881.434	-	5.317.245.139	189.432.685.102
- CP CCDC bán hàng	-	8.522.870.216	-	6.122.465.832	2.400.404.384
- CP trả trước dài hạn khác	1.598.280.191	4.493.928.476	480.900.032	2.730.306.563	2.881.002.072
Cộng	<u>195.512.328.998</u>	<u>13.852.680.126</u>	<u>480.900.032</u>	<u>14.170.017.534</u>	<u>194.714.091.558</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn ngân hàng	3.319.646.682	178.258.500.000
- Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	9.963.436.000	9.963.436.000
Cộng	<u>13.283.082.682</u>	<u>188.221.936.000</u>

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cung cấp nội địa	387.734.607.253	215.109.536.396
- Nhà cung cấp nước ngoài	392.921.977.696	267.809.425.037
- Nhà phân phối	9.209.923.484	9.637.044.746
Cộng	<u>789.866.508.433</u>	<u>492.556.006.179</u>

21. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.781.533.734	480.650.619.402	456.977.175.084	30.454.978.052
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	6.087.266.692	243.009.256.378	227.246.027.549	21.850.495.521
- Thuế xuất, nhập khẩu	2.341.093.579	104.109.182.227	94.975.937.054	11.474.338.752
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.526.596.060	362.076.343.208	67.332.380.687	330.270.558.581
- Thuế thu nhập cá nhân	13.180.248.504	11.988.760.070	19.266.225.405	5.902.783.169
- Thuế tài nguyên	6.412.620	137.490.430	134.572.762	9.330.288
- Thuế nhà đất	-	83.310.984	83.310.984	-
- Tiền thuê đất	-	2.235.598.429	2.235.598.429	-
- Các loại thuế khác	264.400.641	6.177.515.419	6.441.916.060	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	501.080.783	501.080.783	-
Cộng	<u>64.187.551.830</u>	<u>1.210.969.157.330</u>	<u>875.194.224.797</u>	<u>399.962.484.363</u>

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khuyến mãi, hỗ trợ, bán hàng	143.691.744.115	106.701.087.846
- Chi phí quảng cáo	38.201.170.045	21.470.581.127
- Chi phí vận chuyển	13.592.206.655	5.139.294.140
- Chi phí xuất khẩu	102.807.411	45.346.969

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	2.736.095.442	1.531.249.695
- Chi phí phải trả khác	9.806.491.589	9.164.781.918
Cộng	<u>208.130.515.257</u>	<u>144.052.341.695</u>

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	86.204.460	1.454.500
- Kinh phí công đoàn	44.689.375	514.740.885
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	48.130.560.000	6.247.400.000
- Phải trả khác về đầu tư tài chính	3.184.859.555	10.267.609.757
- Phải trả cho cổ đông góp vốn mua cổ phiếu đầu tư	20.406.760.000	23.016.600.000
- Thuế Nhập khẩu phải trả (Sx hàng Xuất khẩu)	5.214.162.544	15.906.265.295
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.781.433.947	18.510.249.575
Cộng	<u>83.848.669.881</u>	<u>74.464.320.012</u>

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn ngân hàng	-	-
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	12.454.295.000	22.417.731.000
Cộng	<u>12.454.295.000</u>	<u>22.417.731.000</u>

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	9.963.436.000
Trên 1 năm đến 5 năm	12.454.295.000
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	<u>22.417.731.000</u>

25. Dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

	<u>Năm 2009</u>
Số dư đầu kỳ	35.899.570.833
Trích lập dự phòng	4.513.429.352
Sử dụng dự phòng	(3.541.912.778)
Hoàn nhập dự phòng	(1.970.567.900)
Số dư cuối kỳ	<u>34.900.519.507</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

26. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quý	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	1.752.756.700.000	1.064.948.051.177	-	744.541.696.836	136.312.134.839	91.622.417.265	525.757.147.704	4.315.938.147.821
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	1.250.119.487.702	1.250.119.487.702
- Trích lập các quỹ	-	-	-	125.155.330.786	38.963.535.161	125.155.330.786	(289.274.196.733)	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	3.783.738.872	9.820.154	3.793.559.026
- Cổ tức	-	-	-	-	-	2.841.760.000	(683.575.113.000)	(680.733.353.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(127.205.195.784)	-	(127.205.195.784)
Số dư đầu năm nay	1.752.756.700.000	1.064.948.051.177	-	869.697.027.622	175.275.670.000	96.198.051.139	803.037.145.827	4.761.912.645.765
- Tăng vốn trong kỳ	1.759.896.300.000	(1.064.948.051.177)	-	-	-	-	(691.301.848.823)	3.646.400.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	2.375.991.708.925	2.375.991.708.925
- Trích lập các quỹ	-	-	-	886.585.882.713	119.072.206.431	238.144.412.861	(1.243.802.502.005)	-
- Tăng khác	-	-	(154.222.000)	-	-	4.514.000	-	(149.708.000)
- Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(351.280.620.000)	(351.280.620.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(152.081.526.386)	-	(152.081.526.386)
Số dư cuối kỳ này	3.512.653.000.000	-	(154.222.000)	1.756.282.910.335	294.347.876.431	182.265.451.614	892.643.883.924	6.638.038.900.304

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ(*)</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Vốn đầu tư của Nhà nước	1.672.022.828.000	47,60%	834.312.189.200	47,60%
- Vốn góp của Nước ngoài	1.553.997.687.200	44,24%	781.378.936.860	44,58%
- Vốn góp của nhà đầu tư trong nước	286.632.484.800	8,16%	137.065.573.940	7,82%
- Thặng dư vốn cổ phần	-		1.064.948.051.177	
- Cổ phiếu quỹ	(154.222.000)		-	
Cộng	<u>3.512.498.778.000</u>		<u>2.817.704.751.177</u>	

(*) Theo nguồn Bản tin thị trường chứng khoán ngày 02/01/2010

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	10.821.195.385.815	8.380.562.493.132
• Doanh thu bán hàng hóa	69.033.570.316	75.813.284.580
• Doanh thu bán thành phẩm	10.731.922.550.796	8.293.659.230.821
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.239.264.703	11.089.977.731
Các khoản giảm trừ doanh thu:	206.370.629.645	171.580.600.304
• Chiết khấu thương mại	196.965.123.771	141.198.481.541
• Giảm giá hàng bán	-	-
• Hàng bán bị trả lại	9.405.505.874	30.382.118.763
Doanh thu thuần	<u>10.614.824.756.170</u>	<u>8.208.981.892.828</u>
Trong đó:		
• Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	10.594.585.491.467	8.197.891.915.097
• Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	20.239.264.703	11.089.977.731

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	49.458.490.614	58.702.825.511
- Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	6.641.260.352.583	5.532.689.430.437
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.595.619.941	3.512.297.986
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	909.820.064	603.626.331
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	37.535.065.470	15.050.041.207
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.456.072.124	410.341.581
Cộng	<u>6.736.215.420.796</u>	<u>5.610.968.563.053</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	106.585.669.916	60.240.296.977
- Lãi trái phiếu	9.273.679.259	3.593.443.516
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.588.435.250	24.684.653.769
- Cổ phiếu thưởng	4.311.416.804	5.205.360.000
- Lãi đầu tư chứng khoán	17.704.298.964	119.553.118.562
- Lãi chênh lệch tỷ giá	132.216.846.763	46.049.895.011
- Khác	155.255.752.562	5.483.553.054
Cộng	<u><u>439.936.099.518</u></u>	<u><u>264.810.320.889</u></u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay ngân hàng	6.654.877.842	26.971.684.235
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	132.861.858	515.420.758
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	118.123.946.777	47.314.690.676
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(36.084.763.209)	123.562.389.904
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	96.000.970.975	(742.218.525)
- Khác	-	-
Cộng	<u><u>184.827.894.243</u></u>	<u><u>197.621.967.048</u></u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	8.570.812.698	4.264.928.927
- Thu thanh lý phế liệu, CCDC, VTKT	38.634.151.960	50.096.788.423
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.951.569.978	4.190.347.536
- Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	91.480.108.818	73.558.284.734
- Thu được từ các khoản thuế được hoàn	258.389.317	2.563.143.600
- Thu nhập khác	6.745.467.364	2.228.723.136
Cộng	<u><u>147.640.500.135</u></u>	<u><u>136.902.216.356</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý	6.276.812.447	3.316.702.238
- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.195.454	48.192.339
- Giá trị VTKT, CCDC thanh lý	347.789.972	1.062.818.896
- Chi phạt do vi phạm hợp đồng	-	423.241.099
- Chi phí khác	4.781.996.241	1.878.728.173
Cộng	<u>11.408.794.114</u>	<u>6.729.682.745</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u> <u>(điều chỉnh)</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.375.991.708.931	1.250.119.487.702
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.375.991.708.931	1.250.119.487.702
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	350.950.862	350.900.660
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>6.770</u>	<u>3.563</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước (điều chỉnh)</u>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	175.275.670	175.275.670
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 10 tháng 6 năm 2009	204.798	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 03 tháng 9 năm 2009	(5.037)	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông thưởng phát hành ngày 18 tháng 9 năm 2009	175.475.431	175.624.990
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>350.950.862</u>	<u>350.900.660</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.528.517.999.873	5.415.692.883.804
- Chi phí nhân công	460.889.924.520	405.048.350.589
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	229.813.153.286	174.752.289.903
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	377.409.880.853	295.550.212.946
- Chi phí khác	995.951.758.380	902.548.080.119
Cộng	<u>8.592.582.716.912</u>	<u>7.193.591.817.360</u>

Trong đó bao gồm:

Chi phí sản xuất:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.496.333.758.663	5.382.295.160.885
- Chi phí nhân công	251.525.041.248	226.829.572.369
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	171.283.660.875	135.861.151.194
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	113.570.528.971	83.347.753.827
- Chi phí khác	21.630.824.659	15.146.503.101
Cộng	<u>7.054.343.814.416</u>	<u>5.843.480.141.375</u>

Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	127.769.536.074	95.977.696.303
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.461.809.958	27.462.865.102
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	14.447.269.526	18.663.760.973
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.236.329.708	7.717.942.668
- Chi phí bảo hành	7.987.976.032	2.187.090.728
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	173.517.571.524	118.642.362.427
- Chi phí khác bằng tiền	875.055.529.018	781.655.790.023
Cộng	<u>1.245.476.021.840</u>	<u>1.052.307.508.224</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	81.595.347.198	82.241.081.917
- Chi phí vật liệu quản lý	6.722.431.252	5.934.857.817
- Chi phí đồ dùng văn phòng	5.537.074.790	10.913.482.250
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.293.162.703	31.173.196.041
- Thuế, phí, lệ phí	8.695.525.011	2.695.468.421
- Chi phí dự phòng	27.977.191	10.582.225.245
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.321.780.358	93.560.096.692
- Chi phí khác bằng tiền	62.569.582.153	60.703.759.378
Cộng	<u>292.762.880.656</u>	<u>297.804.167.761</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương và thù lao	<u>17.439.542.864</u>	<u>14.217.506.079</u>

Cho mục đích công bố thông tin về các bên liên quan, các chức trách quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều Hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Năm 2009		Năm 2008	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.622.645.240.233	1.198.550.145.582	7.164.803.934.903	1.215.758.558.229
2. Các khoản giảm trừ	206.370.629.645	-	171.580.600.304	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	9.416.274.610.588	1.198.550.145.582	6.993.223.334.599	1.215.758.558.229
4. Giá vốn hàng bán	5.887.654.415.784	848.561.005.012	4.727.144.580.135	883.823.982.918
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	3.528.620.194.804	349.989.140.570	2.266.078.754.464	331.934.575.311

3. Thông tin khác :

Vào ngày 30/12/2009 , Công ty Một Thành Viên Đầu Tư BĐS Quốc Tế đã chuyển tiền mua lại toàn bộ 35,74% phần vốn của cổ đông thiểu số tại Công Ty BĐS Chiến Thắng Việt Nam. Hiện tại Công Ty này đang tiến hành lập thủ tục giải thể Công Ty BĐS Chiến Thắng Việt Nam, toàn bộ tài sản sau khi giải thể sẽ được chuyển về cho Công ty Một Thành Viên Đầu Tư BĐS Quốc Tế nắm giữ.

Người lập

Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng

Lê Thành Liêm

Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2010

